

XU HƯỚNG DÂN TỘC HÓA THỂ LOẠI ĐƯỜNG LUẬT QUA THƠ VỊNH CẢNH TRONG “HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP”

Nguyễn Thị Phương Thảo

Khoa Ngữ Văn và Khoa học xã hội, Trường Đại học Hải Phòng

Email: thaontp74@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/1/2024

Ngày PB đánh giá: 28/01/2024

Ngày duyệt bài: 29/2/2024

TÓM TẮT: Hồng Đức quốc âm thi tập là một cột mốc lớn trong sự phát triển của văn học tiếng Việt ở thế kỷ XV. Xu hướng dân tộc hóa trong nỗ lực xây dựng một lối thơ Việt Nam được thể hiện rõ nét ở mảng thơ vịnh cảnh trong Hồng Đức quốc âm thi tập. Thơ vịnh cảnh vẫn tiếp tục những nội dung truyền thống với nhiều thi liệu có sẵn. Tuy nhiên, các tác giả đã vượt lên trên những công thức, ước lệ của thơ ca cổ để phản ánh cuộc sống chân thực và sinh động. Bên cạnh đó, việc tiếp tục thử nghiệm câu thơ lục ngôn xen thất ngôn đã giúp cho việc miêu tả, biểu đạt cảm xúc trở nên linh hoạt, mới mẻ, ít nhiều giảm tính sáo mòn, công thức vốn có của tập thơ.

Từ khóa: Hồng Đức quốc âm thi tập, thể loại văn học, dân tộc hóa, thơ Nôm Đường luật

NATIONALIZATIONAL TREND OF THE GENRE OF THE TANG LAW THROUGH SCENES POETRY IN “HONG DUC QUOC AM THI TAP”

ABSTRACT: Hong Duc quốc âm thi tập is a major milestone in the development of Vietnamese literature in the 15th century. The trend of nationalization in the effort to build a Vietnamese poetic style is clearly shown in the poetic scene of Hong Duc quốc âm thi tập. Landscape poetry still continues its traditional content with many available poetic materials. However, the authors have gone beyond the formulas and conventions of ancient poetry to reflect true and vivid life. Besides, continuing to experiment with six-word verses interspersed with seven-word verses has helped the

description and expression of emotions become flexible and new, reducing the inherent cliché and formula of the poetry collection.

Keywords: “Hong Duc Vietnamese poetry collection”, literary genre, nationalization, Nom poetry of Tang law.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giai đoạn văn học thế kỉ XV được xem như một thời kì rực rỡ của thể loại Đường luật Nôm. Trên cơ sở kế thừa những thành tựu của Nguyễn Trãi trong *Quốc âm thi tập*, Lê Thánh Tông và các văn nhân thời Hồng Đức tiếp tục có những bước cách tân trong việc dân tộc hóa thơ Nôm Đường luật, từ nội dung thể hiện cho đến những thử nghiệm mới về hình thức nghệ thuật. Đóng góp của tập thơ *Hồng Đức quốc âm thi tập* trong dòng thơ tiếng Việt thời trung đại đã được khẳng định qua nhiều công trình. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ tập trung vào tìm hiểu những biểu hiện của xu hướng dân tộc hóa thể loại thơ Nôm Đường luật qua mảng thơ vịnh cảnh, được thể hiện tập trung qua bức tranh thiên nhiên mang nét đẹp bình dị của cuộc sống, âm áp hơi thở của con người và việc tiếp tục sử dụng linh hoạt câu thơ sáu chữ xen những câu thơ bảy chữ trong một bài Đường luật. Từ đó, khẳng định vai trò tiếp nối và cách tân của tập thơ ở cả phương diện nội dung và nghệ thuật.

2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Hồng Đức quốc âm thi tập tuy không phải là tập thơ đỉnh cao của văn học trung đại, nhưng nó có những đặc sắc riêng và đã được không ít nhà nghiên cứu quan tâm. Thơ vịnh cảnh chiếm số lượng hơn 1/3 tập thơ, là bộ phận thể hiện rõ nét nhất xu hướng dân tộc hóa nội dung và xã hội hóa về phạm vi phản ánh, chiếm lĩnh đời sống hiện thực của tập thơ. Chuyên luận *Thơ Nôm Đường luật* của nhà nghiên cứu Lã Nhâm Thìn [4] đã chỉ ra tính dân tộc ở đề tài, chủ đề của *Hồng Đức quốc âm thi tập* trong sự vận động của thể loại trong văn học trung đại. Các cuốn giáo trình *Văn học trung đại Việt Nam* của PGS. Nguyễn Đăng Na [3], Đinh Gia Khánh [2] ít nhiều cũng đã khái quát về những đóng góp của tập thơ, đặc biệt xu hướng bước đầu chiếm lĩnh đời sống hiện thực qua những hình ảnh thơ gần gũi, giản dị.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Khái quát chung

Nhìn một cách khái quát trên cả phương diện nội dung phản ánh và nghệ thuật biểu hiện, *Hồng Đức quốc âm thi*

tập luôn diễn ra hai xu hướng trái chiều: vừa hướng tới tiếp thu, kế thừa những tinh hoa của Đường thi, những yếu tố tích cực trong tư tưởng, trong sáng tạo nghệ thuật của văn chương Nho giáo, vừa tạo ra sự tiếp biến, cách tân theo tinh thần dân tộc và tư tưởng của thời đại. Thơ vịnh cảnh trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* có xu hướng khắc họa một bức tranh thiên nhiên mang vẻ đẹp dân dã, bình dị, gắn liền với đời sống đồng nội, thể hiện khá rõ xu hướng dân tộc hóa, xã hội hóa thể loại Đường luật ở phương diện nội dung. Việc tiếp tục sử dụng linh hoạt câu thơ sáu chữ xen lẫn những câu bảy chữ trong một bài Đường luật tạo nên những nhịp ngắt sinh động, khả năng biểu cảm cao giúp cho Đường luật Nôm ngày càng có những dấu ấn riêng về hình thức thể hiện.

3.2 Thiên nhiên bình dị gắn với cuộc sống người lao động

Theo kết quả khảo sát dựa theo cuốn *Hồng Đức quốc âm thi tập* [1], chúng tôi nhận thấy thơ vịnh cảnh chiếm một tỉ lệ khá lớn: 141 bài trên tổng số 328 bài thơ (chiếm 42,98%). Thơ đề vịnh thiên nhiên trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* được vịnh họa theo từng tiểu loại đề tài, chủ đề nhất định trong các mục tập thơ: *Thiên địa môn*, có thơ vịnh - họa về *Tết nguyên đán*, về *Năm canh*, *Bốn mùa*, *Mười hai tháng*.... *Phong cảnh môn* có

thơ vịnh *Đào Nguyên bát cảnh*, *Tiêu Tương bát cảnh*, sơn thủy, đền chùa miếu mạo.... *Phẩm vật môn* có thơ vịnh về “*trăng, hoa, tuyết, nguyệt*”, vịnh các loại cây cảnh, hoa cảnh... Không thể phủ nhận, thơ vịnh cảnh trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* có nhiều bài mang tính chất ngâm vịnh tiêu khiển với đề tài công thức có tính thù tạc, ca tụng triều đình, thuyết giáo về giáo lý nhà Nho, ngâm vịnh thù tạc trước những cảnh cung đình, vườn uyển, nước non... Tuy nhiên, cũng có nhiều bài miêu tả vẻ đẹp của đời sống bình dị, phong cảnh tự nhiên kì thú. Những hình ảnh thơ dân gian gần gũi với đời sống tự nhiên đã thể hiện sự thay đổi cảm hứng sáng tạo, cảm hứng thẩm mỹ của nhà thơ. Cái bình thường, dân dã giờ đây dưới con mắt của thi nhân cũng trở thành cái đẹp. Đây là một sự thay đổi mang tính cách tân, dân chủ tiến bộ làm cho thơ ngày càng gần gũi với đời sống dân tộc hơn.

3.2.1 Bức tranh thiên nhiên bình dị

Làm nên vẻ đẹp riêng và thực sự hấp dẫn của mảng thơ vịnh cảnh trong tập thơ chính là những bài viết về thiên nhiên bình dị, những cảnh vật bình thường. Khảo sát *Hồng Đức quốc âm thi tập*, chúng tôi nhận thấy thơ viết về thiên nhiên bình dị được thể hiện khá đậm nét qua các đề tài: *Vịnh năm canh* (10 bài), *Vịnh bốn mùa* (12 bài), *Vịnh nắng mùa*

hè (4 bài). Bên cạnh vẻ đẹp hoành tráng, kì vĩ của những bức tranh thiên nhiên miêu tả núi Song Ngư (*Song Ngư sơn*), núi Thần Phù (*Thần Phù sơn*, sông Bạch Đằng (*Bạch Đằng giang*) thì cũng có những bức tranh rất bình dị, quen thuộc của làng quê, của đời sống giản dị, dân dã. Dù có mang phong vị của Đường thi ở những bài vịnh cảnh thiên nhiên kì thú, mỹ lệ thì chúng ta cũng không thể phủ nhận được nét đẹp bình dị, ấm áp hơi thở của con người trong chùm thơ *Vịnh năm canh*. Thơ về năm canh trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* được viết theo lối xướng họa, có 10 bài, mỗi canh ứng với một cặp bài. Đứng riêng, mỗi bài là một chỉnh thể nghệ thuật độc lập của kết cấu - cảm xúc. Đặt trong tổng thể, mỗi bài là một “mắt xích liên hoàn” tạo nên một hình tượng thời gian vũ trụ “bất biến, tĩnh tại”, thể hiện đặc điểm riêng trong cảm thức về thời gian của thơ Việt Nam thời trung đại. Thơ *vịnh năm canh* miêu tả sự chuyển biến của cảnh vật trong đêm, trên cái nền của âm thanh, hình ảnh và màu sắc. *Vịnh năm canh* cho ta một bức tranh miêu tả cảnh vật làng quê khá đặc sắc: ở canh một là chòm sao Bắc Đẩu trong ánh ngày chưa tắt hẳn, bóng tối chưa bao trùm (*Táp tểnh trời vừa mọc Đẩu tinh*), khói bếp, sương khói hòa vào nhau trong buổi chiều muộn ở làng quê (*Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc*), chim gù ẩn

trong lá (*Sườn núi chim gù ẩn lá xanh*), đường thôn vắng vẻ quanh quẽ khi đêm xuống (*Đường quanh nhà thôn cửa chặt cài*)... Nếu như ở canh một chúng ta được chứng kiến một bức tranh toàn cảnh về cuộc sống làng quê khi trời vừa tối với những hình ảnh sống động, màu sắc tươi vui thì chuyển tiếp canh hai, canh ba cảnh vật thoáng nhẹ, nhạt dần (*Cảnh vật chòm chòm bay lửa đóm/ Có hoa gốc gốc đượm hương trang*), canh bốn, canh năm cảnh vật dần chuyển sang tươi sáng, rục rờ theo nhịp bước thời gian (*Nguyệt đầu non treo chéch chéch/ Sương mặt đất ướt đầm đầm*). Cảnh vật trong thơ *Vịnh năm canh* là cảnh vật có sự sống, vừa hiện thực, vừa cụ thể sinh động. Do vậy, đề tài là ước lệ nhưng cảm xúc thơ đã chạm khắc được những bức tranh cảnh vật đặc sắc về làng quê Việt Nam.

Thơ vịnh cảnh có truyền thống là ngâm về phong cảnh, sự vật trước mắt với cảm hứng nhằm bàn luận hoặc miêu tả, chủ yếu là cảnh “ngâm phong vịnh nguyệt” lúc nhàn tản, trà dư tửu hậu. Tuy nhiên, trong chùm thơ về đề tài *vịnh nắng mùa hè*, xu hướng dân tộc hóa nội dung của Đường luật Nôm được bộc lộ rõ rệt qua việc lựa chọn những hình ảnh đời sống, mang hơi thở mùa hè nóng nực của Việt Nam, khó có thể tìm thấy trong thơ ca Trung Quốc:

- *Đậu lá võ vàng con bướm bướm,
Áp cây gậy guộc cái ve ve.*

(Lại vịnh nắng mùa hè - Bài 1)

- *Nước nông sừng sực đầu rô trỗi,
Ngày nắng chang chang lười chó lè.
Cuốc cuốc, cuốc hăng khua mõ cuốc,
Ve ve, ve lại gậy cầm ve.*

(Lại vịnh nắng hè - Bài 3)

Đây là những hình tượng thơ rất thực, chẳng có gì thanh tao, điển nhã nhưng lại rất điển hình cho cái nắng ngày hè ở nông thôn miền quê vùng nhiệt đới. Nếu như ở Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, người ta đã thấy đi vào thơ hàng loạt những hình ảnh bắt nguồn từ đời sống hiện thực như quả núc nác, cây chuối, bè rau muống, lảnh mỏng *toi*, ngõ cày đất *ải*, *lạc*, *đậu*, *kê*, *vùng*... thì đến thơ vịnh cảnh của Hồng Đức quốc âm thi tập xu hướng này thực sự rõ rệt. Việc tiếp nhận và sử dụng thi liệu bắt nguồn từ đời sống hiện thực thể hiện một tư tưởng dân chủ và tiến bộ trong sáng tác dù các tác giả của tập thơ chủ yếu là nhà vua và những nho sĩ tham chính trong triều đình vua Lê Thánh Tông.

3.2.2 Bức tranh cuộc sống lao động, gắn liền với đời sống người bình dân

Tập thơ Hồng Đức quốc âm thi tập dành khá nhiều bài vịnh về cảnh sống

nông thôn, cảnh sinh hoạt (7 bài), cảnh lao động với những công việc đồng áng, sông nước ... (10 bài). Tất cả những bài thơ viết về cuộc sống xã hội đều là những bài vịnh. Đó là chùm thơ *Tứ thú* (13 bài) gồm cả bài xướng và bài họa. Mặc dù còn giới hạn bởi công thức “*ngư, tiều, canh, mục*” nhưng cũng không thể phủ nhận hoàn toàn xu hướng dân tộc hóa thể loại ở đề tài này. Cảnh và người trong những bài thơ này không phải là cảnh trong tranh. Đó là cảnh và người trong cuộc sống, trong sinh hoạt xã hội. Cụ thể hơn, bên cạnh những con người công thức thường thấy trong thơ ca cổ, trong một số trường hợp, hình ảnh người bình dân hiện lên khá ấn tượng, giàu chất hiện thực của cuộc sống đời thường. Rất cụ thể và sống động là hình ảnh người kiếm cá:

Manh áo quàng, mang lượ xụp,

Quai chèo xách, đứng lom khom.

(Ngư)

Người hái củi:

Có thuở xa trông vàng áo xé,

Dê chân nheo nhéo đứng đầu mom

(Tiều)

Người chăn trâu:

Đầu ngàn ều ều cỏ xanh om,

Thả thả, chẵn chẵn ít lại nom.

*Mùi ghé lui chân đứng nháy,
U trâu vịn cật ngồi khom...*

(Vịnh người chăn trâu)

Hình ảnh người ngư dân hiện lên với công việc thường ngày của mình để kiếm sống, tuy đó không còn là một công việc xa lạ đối với người dân nhưng qua bài thơ ta mới có dịp nhìn ngắm kĩ hơn hình ảnh người dân làm nghề chài lưới một cách cụ thể, tỉ mỉ đến như vậy “*Mảnh áo quàng, mang lụp xụp/ Quai chèo xách, đứng lom khom*”, với mảnh áo xộc xệch bởi công việc, người ngư dân vẫn tiếp tục lom khom chèo lái con thuyền thực hiện công việc của mình. Người ngư dân hiện lên trên nền trong sáng của bức tranh, đó là khoảng nước được miêu tả trong sáng như pha lê, bên dưới làn nước trong xanh ấy là từng đàn cá, tôm quẫy nước tìm nơi trú ẩn.

Còn đây là cảnh túm năn tùm ba của trai gái trong làng lúc rảnh rang sau những giờ phút lao động mệt nhọc:

*Đêm rượu, ngày rồi họp bốn người,
Cùng bày sở thú bảo nhau chơi.
Con trâu tớ béo com người trắng,
Đón củi người nhiều cá tớ tươi.
Gặp thuở thái bình người mến tớ,
Chứa lòng ưu ái tớ cùng người.
Cấp cảm, con Tuyết tình cờ tới,
Bỏ nón, lui chân khặc khặc cười.*

(Tứ thú tương thoại)

Có bao nhiêu hình ảnh chân thực của đời sống đã đi vào bài thơ này? *Con trâu béo, com trắng, cá tươi...* chắc chắn là bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống với lối nói vô cùng giản dị, tự nhiên, khác xa sự cầu kì, qui phạm vốn có của thơ vịnh cảnh. Chúng ta không thể khẳng định một bút pháp tả thực trong thơ thế kỉ XV, nhất là thơ làm theo luật Đường. Nhưng hình ảnh một cô Tuyết cụ thể - cụ thể tên, cụ thể sự việc “*cấp cảm*”, “*tình cờ đến*”, cụ thể cả dáng vẻ, tính tình “*bỏ nón lui chân khặc khặc cười*” chắc chắn là đã vượt lên trên những công thức, ước lệ của thơ ca cổ để phản ánh cuộc sống chân thực và sinh động.

3.3 Sử dụng linh hoạt câu thơ lục ngôn

Không chỉ ở phương diện nội dung phản ánh, xu hướng dân tộc hóa qua thơ vịnh cảnh trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* còn được biểu hiện rất rõ nét ở phương diện thể loại. Sự xuất hiện của câu thơ lục ngôn xen những câu thơ thất ngôn trong một bài Đường luật Nôm xuất hiện lần đầu trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi với mong muốn thử nghiệm một lối thơ Việt, trong nỗ lực dân tộc hóa thơ tiếng Việt ở thế kỉ XV tiếp tục được phát huy ở giai đoạn này. Câu thơ lục ngôn được sáng tạo trên cơ sở câu thơ thất ngôn luật Đường của Trung Quốc, là một biểu hiện quan trọng của thi pháp Việt Nam. Thơ vịnh

cảnh thường đi theo công thức khuôn sáo khá chặt chẽ, chịu ảnh hưởng của thi luật. Tuy nhiên, đã có nhiều bài sử dụng những cặp câu sáu chữ ở nhiều vị trí linh hoạt tạo nên sự phá cách hình thức khá độc đáo. Có thể thấy thơ thất ngôn xen lục ngôn được sáng tác khá thành thực:

*Sơn thủy so xem chốn hữu tình,
Chùng đây mừng thấy lạ hòa thanh.
Dăng ngang biển chồn vờn lớn,
Cao chọc trời ngân ngật xanh.
Muôn kiếp châu về đền Bắc cực,
Ngàn thu chóng khỏe cõi Nam minh...*

(Song Ngư sơn)

Việc đưa những câu thơ lục ngôn vào bài thơ đã phá vỡ kết cấu chặt chẽ, quy tắc vốn có của Đường luật. Số câu thơ lục ngôn không nhất định, vì vậy số chữ trong các bài thất ngôn xen lục ngôn cũng không nhất định, nó tạo khả năng cho nhịp thơ vận động, biến động, phá vỡ kết cấu cũ để tạo ra kết cấu mới làm cho bài thơ có phần tự do hơn. Xét về đối, thơ lục ngôn vẫn giữ những quy tắc chung của thơ Đường luật, không có nhiều sự thay đổi. Vận và nhịp thơ là những biến đổi rõ rệt, tạo nên sự phá cách cho những câu thơ lục ngôn. Cụ thể, tìm hiểu vận ở những câu thơ sáu chữ, chúng tôi nhận thấy có sự ảnh hưởng từ văn học dân gian ở một số câu bất vận lưng. Tuy nhiên,

hiện tượng này không phổ biến. Đáng kể nhất nhất là sự biến đổi trong ngắt nhịp. Cách ngắt nhịp của câu thơ lục ngôn rất phong phú, có tới sáu lối ngắt nhịp khác nhau: 2/2/2, 4/2, 2/4, 1/3/2, 3/3, 1/2/3 trong đó phổ biến nhất là ngắt nhịp 3/3 và 2/4. Điều đó cũng liên quan đến việc tạo ra các kiểu câu khác nhau của tập thơ, làm cho nó phong phú hơn rất nhiều so với kiểu câu của thất ngôn luật Đường Trung Quốc:

*Ngàn tương / thuở rụng hạt mưa,
Lã chã / thâu đêm gió đưa.
Chút tiếng vàng / cao lại thấp,
Rung cành ngọc / nhật thì thưa...*

(Tiêu Tương dạ vũ)

Cặp câu lục trên vào đề, diễn tả khung cảnh chung về mưa đêm, câu thơ ngắt nhịp 2/4 làm cho mạch thơ dàn trải như mở rộng không gian của bài thơ. Nhưng khi miêu tả tiếng mưa rơi cụ thể thì câu thơ chuyển sang nhịp 3/3 làm cho hơi thở trở nên nhanh và mạnh, gây ấn tượng về tiếng mưa rơi. Cách ngắt nhịp như trên chứng tỏ nhiều câu thơ bảy chữ trong thơ Nôm Đường luật đã không theo tiết tấu câu thơ luật của Trung Quốc. Đặc biệt, có bài vịnh cảnh hoàn toàn sử dụng câu thơ sáu chữ với cách thể hiện linh hoạt, sinh động. Bài thơ *Chùa Non Nước* là một minh chứng:

Nơi gọi Bồng, nơi gọi Nhược,
Hai bên góp làm Non Nước.
Đá chồng hòn thấp, hòn cao,
Sóng trực lớp sau lớp trước.
Phật hư vô, cảnh thiếu thừa,
Khách danh lợi buồm xuôi ngược.
Vẳng nghe trên gác boong boong,
Lẩn thân dưới chùa lẩn bước.

(Chùa Non Nước)

Chùa Non Nước nằm trong phần Phong cảnh môn vịnh về vẻ đẹp sơn thủy hữu tình được ví như chốn Bồng lai tiên cảnh núi Non Nước. Câu thơ lục ngôn được ngắt nhịp theo cặp khá linh hoạt: 3/3 (*Phật hư vô/cảnh thiếu thừa; Khách danh lợi/buồm xuôi ngược*), 2/4 (*Vẳng nghe/trên gác boong boong; Lẩn thân/dưới chùa lẩn bước*) tạo nên sự chuyển đổi nhịp nhàng của cảm xúc xen lẫn miêu tả. Việc ngắt nhịp câu thơ tạo nên nhịp điệu chậm rãi, lắng đọng. Mỗi câu ngắt tạo thành những vế tiểu đối bộc lộ cảm nhận của nhà thơ về đạo Phật, về người đời rất thực, cảm xúc và gần gũi. Đáng lưu ý là trong khi các tác giả tập thơ *Hồng Đức quốc âm thi tập* phần lớn là hội viên hội Tao Đàn - những người vốn rất sành thi luật thì khi sáng tác thơ Nôm họ vẫn có xu hướng phá cách thơ luật.

4. KẾT LUẬN

Khi nghiên cứu về thơ Nôm vịnh cảnh trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*,

chúng ta không thể không thừa nhận đây là một trường thơ cùng với nhưng quy tắc gò bó, những chuẩn mực định sẵn, một trường thơ thiên về ngâm vịnh những đề tài công thức, ước lệ, dựa trên hình thức “vua xướng tôi họa” rất mực khuôn sáo và đơn điệu. Nhưng từ trong khuôn khổ chật hẹp như thế, người làm thơ đã không phải không có những cố gắng để một đôi lúc bứt phá được lên, vượt khỏi mọi sự trói buộc, hướng tới những cái bình dị trong cuộc sống. Tính chất đời thường, giản dị, xu hướng phá cách câu thơ góp phần rất lớn trong nỗ lực dân tộc hóa thể loại, tạo nên những dấu ấn riêng của Đường luật Nôm trong sự khu biệt với Đường luật Hán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Trọng Điềm, Bùi Văn Nguyên (1982), *Hồng Đức quốc âm thi tập*, NXB Văn học.
2. Nguyễn Lộc (2001), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX*, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Đăng Na (chủ biên) (2007), *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam tập 1*, NXB Đại học sư phạm.
4. Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, NXB Giáo dục.
5. Trần Đình Sử (1999), *Máy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục.